TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 957/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Tiến Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST –HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2024/QĐST- HNGĐ ngày 02/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N.T.N.Á; địa chỉ: Ấp D, xã T huyện V, tỉnh Đồng Nai *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông P.V.C; địa chỉ: Số B đường T, Phường A, quận G; Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 22 tháng 01 năm 2024 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Bà N.T.N.Á và ông P.V.C tự nguyện chung sống năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống bà Á và ông C có 02 con chung tên P.Q.H; sinh ngày 05/01/2012 và P.Q.B; sinh ngày 05/01/2015. Do gia đình phát sinh nhiều tranh chấp, bất đồng quan điểm, ngày càng trầm trọng nên không thể kéo dài tình cảm với ông C, bà Á yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Á và ông C Có 02 con chung tên P.Q.H; sinh ngày 05/01/2012 và P.Q.B; sinh ngày 05/01/2015, do bà Á trực tiếp chăm sóc nên đề nghị Toà án giải quyết trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông P.V.C vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đơn phương ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại quận G. Căn cứ các Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà N.T.N.Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P.V.C hiện cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà N.T.N.Á và ông P.V.C tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn được cấp giấy chứng nhận số 41 quyển số 01/2011, ngày 07/6/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận P Thành phố Hồ Chí Minh. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà N.Á khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông C là có cơ sở được qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy hôn nhân giữa bà N.Á và ông C, hiện sống ly thân không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong gia đình, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ việc Tòa án đã tống đạt thông báo phiên họp, kiểm tra chứng cứ, đối chất và hòa giải nhưng ông C vắng mặt, chứng tỏ ông C không còn tha thiết hoà giải, quan tâm đến gia đình nên Hội đồng xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa của bà N.T.N.Á đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà N.T.N.Á và ông P.V.C có 02 con chung: Tên P.Q.H; sinh ngày 05/01/2012 và P.Q.B; sinh ngày 05/01/2015 được bà N.Á chăm sóc trực tiếp và nguyện vọng của 02 trẻ mong muốn ở cùng với bà N.Á. Xét thấy 02 trẻ cần được chăm lo việc học tập và ổn định tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Á. Giao 02 con chung tên P.Q.H; sinh ngày 05/01/2012 và P.Q.B; sinh ngày 05/01/2015 cho bà N.T.N.Á trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N.T.N.Á không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông P.V.C có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông P.V.C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Á.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung: Không có.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà N.T.N.Á phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng.

- *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà N.T.N.Á.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N.T.N.Á được ly hôn ông P.V.C (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2011 ngày 07/6/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: 02 con chung tên P.Q.H; sinh ngày 05/01/2012 và P.Q.B; sinh ngày 05/01/2015 giao cho bà N.T.N.Á trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông P.V.C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bà Á.

Ông P.V.C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung mà không ai cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N.T.N.Á phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Á đã nộp theo biên lai thu số 0012655 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Á đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKS Q.G;
- CCTHA Q.G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA